

Bản án số: 13/2024/KDTM-ST

Ngày: 10-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Truyền Bình

Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 125/2023/TLST- KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH T1**; Địa chỉ: I T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty TNHH MTV T2**; Địa chỉ: Số B đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - chức vụ Giám đốc. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T1 – bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Ngày 02/01/2022, Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH MTV T2 đã ký kết Hợp đồng mua bán xi măng số 22/HĐKT với nội dung: Công ty TNHH T1 đồng ý cung cấp xi măng các loại cho Công ty TNHH MTV T2. Khối lượng chính thức là

khối lượng được bên mua ký xác nhận mỗi lần giao hàng. Sau khi ký kết Hợp đồng bên Công ty TNHH T1 đã cung cấp cho Công ty TNHH MTV T2 tổng giá trị hàng hóa đến ngày 30/11/2022 là 109.250.000đ (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và có xác nhận của 2 bên công ty nhưng Công ty TNHH MTV T2 không thanh toán cho công ty C.

Công ty C đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty TNHH MTV T2 thanh toán tiền nợ nhưng vẫn không thực hiện. Nay việc nợ tiền hàng đã kéo dài quá lâu, công ty chúng tôi không nhận được thiện chí từ phía Công ty TNHH MTV T2 nên khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền hàng còn nợ 109.250.000đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/4/2024 với mức lãi suất 20%/năm là 30.954.167đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 140.204.167đ (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền nợ gốc 109.250.000đ và nợ lãi do chậm thanh toán đến ngày 01/4/2024 là 30.954.167đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 140.204.167đ (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa Công ty TNHH T1 với Công ty TNHH MTV T2 và đều mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại địa chỉ số B đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn - Công ty TNHH MTV T2 mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 02/01/2022, Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH MTV T2 đã ký kết Hợp đồng mua bán xi măng số 22/HĐKT với nội dung: Công ty TNHH T1 đồng ý cung cấp xi măng các loại cho Công ty TNHH MTV T2. Khối lượng chính thức là khối lượng được bên mua ký xác nhận mỗi lần giao hàng. Sau khi ký kết Hợp đồng bên Công ty TNHH T1 đã cung cấp cho Công ty TNHH MTV T2 hàng hóa đầy đủ và xuất hoá đơn giá trị gia tăng tổng giá trị hàng hóa đến ngày 30/11/2022 là 109.250.000đ (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và có xác nhận của 2 bên công ty.

Công ty TNHH T1 đã yêu cầu Công ty TNHH MTV T2 thanh toán tiền nợ nhưng Công ty TNHH MTV T2 không trả nên Công ty TNHH T1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền hàng còn nợ 109.250.000đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/4/2024 với mức lãi suất 20%/năm là 30.954.167đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 140.204.167đ (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH MTV T2 được thể hiện bằng Hợp đồng mua bán xi măng số 22/HĐKT, các Hóa đơn giá trị gia tăng tại thời điểm giao hàng, các Bảng kê xác nhận kế hoạch giao hàng thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty TNHH MTV T2 có mua hàng của Công ty TNHH T1, phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại. Mặc dù còn nợ tiền hàng là 109.250.000đ đã được xác nhận của Công ty TNHH MTV T2 nhưng không thanh toán cho Công ty TNHH T1 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 280 Bộ luật dân sự. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng mua bán xi măng giữa Công ty TNHH T1 đối với Công ty TNHH MTV T2 là đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền 109.250.000đ.

Đối với số tiền lãi Công ty TNHH T1 yêu cầu Công ty TNHH MTV T2 thanh toán 30.954.167đ, lãi được từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/4/2024 với mức lãi suất 20%/năm. Từ ngày 30/11/2022, phía Công ty TNHH MTV T2 đã xác nhận còn nợ Công ty TNHH T1 số tiền nợ 109.250.000đ và đến ngày xét xử sơ thẩm vẫn không thanh toán nên số ngày này được tính vào thời gian chậm thanh toán. Công ty TNHH T1 yêu cầu mức lãi suất 20% là có căn cứ, phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng cộng các khoản Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 đến ngày 01/4/2024 là $109.250.000đ + 30.954.167đ = 140.204.167đ$.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – Công ty TNHH MTV T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 140.204.167đ x 5% ~ 7.010.208đ.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 39, 40, 41, 50, 54 của Luật Thương mại; Điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty TNHH T1 với Công ty TNHH MTV T2.

Buộc Công ty TNHH MTV T2 phải thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền 140.204.167đ (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm lẻ bốn ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng).; trong đó nợ gốc: 109.250.000đ, nợ lãi tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/4/2024 là 30.954.167đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH MTV T2 phải chịu là **7.010.208đ** (Bảy triệu không trăm mười ngàn không trăm lẻ tám đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí **3.496.000đ** (Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002593 ngày 09/11/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Hà